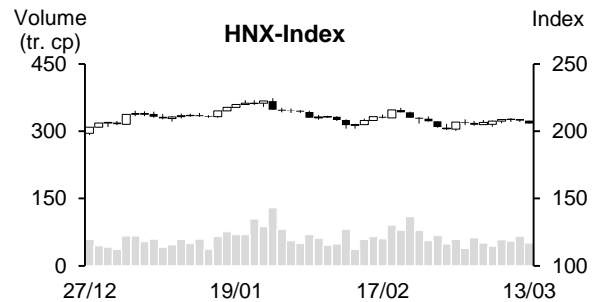
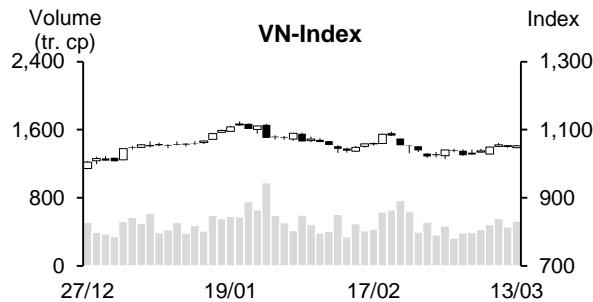


13/03/2023	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,052.80	-0.02%	1,050.07	0.27%	205.85	-0.97%
<b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>	<b>625.19</b>	<b>22.90%</b>	<b>243.57</b>	<b>81.84%</b>	<b>54.63</b>	<b>-17.68%</b>
<b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b>	<b>524.70</b>	<b>14.84%</b>	<b>194.92</b>	<b>51.16%</b>	<b>50.58</b>	<b>-22.90%</b>
TB 20 phiên (tr. cp)	482.42	8.76%	138.53	40.70%	61.65	-17.96%
<b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>	<b>11,229</b>	<b>28.36%</b>	<b>5,906</b>	<b>80.45%</b>	<b>815</b>	<b>-18.45%</b>
<b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b>	<b>8,855</b>	<b>13.45%</b>	<b>4,484</b>	<b>43.76%</b>	<b>745</b>	<b>-23.73%</b>
TB 20 phiên (tỷ VND)	7,708	14.89%	3,141	42.73%	943	-20.98%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
<b>Số mã tăng</b>	114	25%	14	47%	39	12%
<b>Số mã giảm</b>	288	62%	15	50%	242	74%
<b>Số mã đứng giá</b>	61	13%	1	3%	44	14%



### ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam có diễn biến điều chỉnh nhẹ trong phiên ngày thứ hai đầu tuần. Mở cửa phiên sáng, VN-Index đã tạo gap giảm với bảng điện ngập tràn sắc đỏ khi các nhà đầu tư phản ứng với thông tin liên quan đến vụ phá sản của ngân hàng Silicon Valley Bank (SVB) tại Mỹ. Trong đó, cổ phiếu ngân hàng gây áp lực lớn với nhiều mã giảm mạnh. Riêng cổ phiếu VPB đi ngược xu hướng ngành khi bật tăng khởi sắc kèm khối lượng đột biến sau khi có thông tin bán vốn cho Sumitomo Mitsui của Nhật Bản. Bên cạnh đó, một số Bluechips bất động sản như NVL, VHM hay VRE cũng có một phiên giao dịch tương đối khởi sắc, góp phần giữ chỉ số đi ngang quanh mức tham chiếu trong khoảng thời gian sau đó. Tuy nhiên, độ rộng thị trường vẫn nghiêng hẳn về bên bán trong phiên hôm nay với số mã giảm áp đảo hoàn toàn.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm nhẹ. Khối lượng giao dịch vượt mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số giữ được đóng cửa trên MA20, cùng với MA5 có tín hiệu cắt lên MA20, cho thấy cơ hội tăng ngắn hạn vẫn còn và phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật. Thêm vào đó, đường RSI vẫn giữ trên đường Midline và đường MACD hướng lên trên Signal củng cố tín hiệu mua mới, cho thấy chỉ số có thể sớm bật tăng trở lại và hướng lên thử thách vùng mục tiêu quanh 1.090 – 1.100 điểm (đỉnh tháng 2/2023). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến yếu hơn. Mặc dù chũm MA từ MA5 tới MA 100 đang hội tụ cho thấy chỉ số vẫn nằm trong trạng thái giằng co với biên độ hẹp từ 200 tới 220 điểm, nhưng với phiên giảm vừa qua, chỉ số đã đóng cửa dưới MA20 cùng với RSI hướng xuống vùng 44, cho thấy áp lực giảm đang tăng lên và chỉ số có thể chịu sức ép về lại vùng hỗ trợ 200 điểm trước khi thay đổi tín hiệu hiện tại. Do đó, nhà đầu tư nên tạm thời ưu tiên tìm kiếm cơ hội giao dịch trên HoSE thay vì trên HNX. Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được cơ hội hồi phục ngắn hạn sau phiên giảm 13/03. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại các vị thế lướt sóng của mình.

Cổ phiếu khuyến nghị: SAB (Mua)

Cổ phiếu quan sát: CTR, TLG

(Xem chi tiết ở trang 2)

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SAB	Mua	14/03/23	187	187	0.0%	199	6.4%	181	-3.2%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	CTR	Quan sát mua	14/03/23	56.3	54-55	Giá đang di chuyển trong kênh giảm, hiện đang ở quanh cạnh trên và giảm trở lại dưới các đường MA -> khả năng có nhịp giảm về lại hỗ trợ 48-50, quan sát vùng này để cân nhắc tham gia
2	TLG	Quan sát mua	14/03/23	50.9	48-49	Giá đang giảm co quanh các đường MA hội tụ, nhưng có dấu hiệu giảm xuống dưới kèm khối lượng bán gia tăng -> có khả năng thủng vùng giảm co, có thể quan sát vùng 44-46 để cân nhắc tham gia

### Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TDM	Mua	15/02/23	37	36.8	0.5%	40.8	10.9%	35.6	-3.3%	
2	POW	Mua	02/03/23	13.15	12.35	6.5%	14.45	17.0%	11.7	-5%	
3	KHP	Mua	03/03/23	8.25	8.22	0.4%	9.2	11.9%	7.8	-5%	
4	CNG	Mua	08/03/23	27.75	28.35	-2.1%	30.7	8.3%	27.3	-4%	
5	LPB	Mua	09/03/23	14.75	14.65	0.7%	16	9.2%	14	-4%	
6	VNM	Mua	10/03/23	76.9	76.5	0.5%	81.3	6%	74.7	-2%	
7	HPG	Mua	13/03/23	21.1	21.3	-0.9%	24.5	15%	20.3	-5%	

## TIN TỨC TRONG NGÀY

### Tin trong nước

#### **Trái phiếu Chính phủ, bảo hiểm tăng trưởng mạnh**

Với trái phiếu Chính phủ, tổng lượng phát hành tháng 2 đạt 36,5 nghìn tỷ đồng, con số đầu thầu thành công lên tới 34,4 nghìn tỷ đồng. Trong đó, Bảo hiểm xã hội mua 20,2 nghìn tỷ đồng (tương đương 30% tổng khối lượng phát hành). Nhà đầu tư khác mua 47 nghìn tỷ đồng, tương đương 70% khối lượng phát hành.

Tính trung bình, trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn phát hành 12 năm, lãi suất phát hành 4,37%/năm. Dự kiến, trong năm 2023, khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành khoảng 400 nghìn tỷ đồng.

Tổng tài sản thị trường bảo hiểm ước đạt 833 nghìn tỷ đồng, tăng 14,86% so với cùng kỳ năm trước. Số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 691,7 nghìn tỷ đồng, tăng 16,38% so với cùng kỳ năm trước). Tổng doanh thu phí bảo hiểm 35,4 nghìn tỷ đồng. Chi trả quyền lợi bảo hiểm ước đạt 10,7 nghìn tỷ đồng, tăng 16,13% so với cùng kỳ năm trước.

#### **Nhà đầu tư Hàn Quốc đổ vào Việt Nam 81,3 tỷ USD**

2 tháng đầu năm 2023, Hàn Quốc đã đầu tư vào Việt Nam khoảng 418,83 triệu USD với 26 dự án cấp mới. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các nhà đầu tư Hàn Quốc tập trung rót vốn nhiều nhất trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

Trong tổng số 142 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký hơn 81,3 tỷ USD (chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư). Singapore đứng thứ hai với gần 72,1 tỷ USD (chiếm 16,3% tổng vốn đầu tư).

Các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư tại hầu hết các tỉnh, thành của Việt Nam. Một số tỉnh, thành Hàn Quốc rót vốn đầu tư lớn là Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Đồng Nai, Thái Nguyên và TP. Hồ Chí Minh.

#### **NHNN mua vào lượng lớn ngoại tệ từ đầu năm tới nay, dự trữ ngoại hối của Việt Nam hiện là bao nhiêu?**

Tại báo cáo thị trường trái phiếu mới phát hành, Chứng khoán MB (MBS) cho biết, trong 2 tháng đầu năm, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã mua được một lượng ngoại tệ lớn lên tới 3,5 tỷ USD, khiến lượng dự trữ ngoại hối quốc gia nhanh chóng được bổ sung đáng kể, sau chuỗi ngày phải bán ra nhằm bình ổn thị trường tỷ giá và tạo ra lượng tiền đồng dồi dào trong hệ thống thanh khoản.

Trước đó, theo ước tính của Chứng khoán BIDV, NHNN bắt đầu mua vào ngoại tệ kể từ tháng 1/2023. Tính riêng trong tháng 1, NHNN đã mua thêm 2,78 tỷ USD và trong tháng 2 là khoảng 0,65 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam vào cuối tháng 2 đạt khoảng 92,43 tỷ USD.

Nguồn: Cafef, Vietstock

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **VIB: Mục tiêu lãi trước thuế 2023 đạt 12,200 tỷ, tăng vốn lên 25,368 tỷ**

Theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2023 vừa được công bố, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (HOSE: VIB) dự kiến phát hành 421.5 triệu cp thường cho cổ đông hiện hữu, tương đương tỷ lệ 20%, vốn điều lệ tăng thêm tối đa 4,215 tỷ đồng. Đồng thời, Ngân hàng dự kiến phát hành tối đa 7.6 triệu cp thường cho cán bộ nhân viên với tỷ lệ 0.36%, giúp vốn điều lệ tăng thêm tối đa 76 tỷ đồng.

Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ của VIB sẽ tăng từ gần 21,077 tỷ đồng lên 25,368 tỷ đồng.

VIB đề ra mục tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 12,200 tỷ đồng, tăng 15% so với năm trước.

Mục tiêu đến cuối năm 2023, tổng tài sản của VIB đạt 428,500 tỷ đồng, tăng 25% so với đầu năm. Tổng dư nợ tín dụng đạt 292,500 tỷ đồng và huy động vốn đạt 292,600 tỷ đồng, tăng lần lượt 25% và 26% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.

Bên cạnh đó, VIB cũng sẽ trình cổ đông phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 15%.

### **VHC: Doanh thu xuất khẩu tháng 2 giảm 29%, riêng thị trường Mỹ giảm 69%**

Theo báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh, tháng 2, CTCP Vĩnh Hoàn (HOSE: VHC) ghi nhận doanh thu xuất khẩu đạt 758 tỷ đồng, thấp hơn 29% so với cùng kỳ nhưng cải thiện 69% so với tháng trước.

Xét về cơ cấu, mặt hàng có doanh thu lớn nhất là cá tra tiếp tục giảm 47% so với cùng kỳ, còn 417 tỷ đồng. Xét theo thị trường xuất khẩu, tất cả thị trường xuất khẩu của Vĩnh Hoàn sang Mỹ, Trung Quốc, châu Âu hay thị trường nội địa đều phục hồi so với tháng trước.

Tuy nhiên, nếu so với quý 2/2022, doanh thu xuất khẩu vào thị trường Mỹ của Vĩnh Hoàn giảm tới 69%, còn 197 tỷ đồng. Doanh thu thị trường Trung Quốc và thị trường nội địa cũng đi xuống từ 2-3%, còn lần lượt 70 tỷ đồng và 189 tỷ đồng. Điểm sáng tới từ doanh thu vào thị trường châu Âu cải thiện 116%, lên mức 194 tỷ đồng.

### **CII đạt kế hoạch lãi ròng năm 2023 giảm 36%, dự chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 12%**

Ngày 26/4 tới đây, CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM (mã: CII) sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại TP.HCM.

HĐQT CII dự kiến trình cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2023 với tổng doanh thu 5.155 tỷ đồng, lợi nhuận ròng 469 tỷ, giảm lần lượt 31% và 36% so với thực hiện năm 2022. Cổ tức 2023 dự chia bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%. Ngoài ra, công ty cũng dự kiến chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 14% và cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%.

Cũng tại ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT sẽ trình lên cổ đông việc tạm dừng trái phiếu chuyển đổi có mã CII42013 đợt 5 vào ngày 3/5/2023 và một số vấn đề khác nếu có.

Về tình hình kinh doanh năm 2022, doanh thu thuần đạt 5.756 tỷ đồng tăng gấp đôi so với thực hiện trong năm 2021. Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ 242 tỷ đồng sang lãi 896 tỷ đồng, trong đó lãi ròng 731 tỷ đồng.

Nguồn: Cafef, Vietstock

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG****Thông kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VHM	44,750	4.43%	0.20%
VPB	19,400	6.01%	0.18%
VRE	29,100	3.93%	0.06%
GAS	108,100	1.03%	0.05%
SAB	187,000	0.75%	0.02%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DTK	9,500	5.56%	0.13%
KSF	42,800	0.71%	0.03%
SAF	60,500	10.00%	0.03%
DNP	24,000	2.13%	0.02%
NTH	53,900	10.00%	0.02%

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
BID	46,250	-1.91%	-0.11%
VCB	91,500	-0.65%	-0.07%
HVN	13,000	-6.81%	-0.05%
STB	25,000	-3.85%	-0.04%
TCB	26,750	-1.47%	-0.03%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
BAB	14,300	-2.72%	-0.14%
IDC	39,100	-1.76%	-0.09%
SHS	8,500	-2.30%	-0.06%
PVS	26,100	-1.14%	-0.06%
VCS	51,200	-1.35%	-0.04%

**TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VPB	19,400	6.01%	41,371,815
STB	25,000	-3.85%	29,610,611
HQC	3,630	6.76%	21,516,742
HPG	21,100	-0.94%	20,936,991
SSI	19,650	-0.76%	20,543,615

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	8,500	-2.30%	8,726,446
PVS	26,100	-1.14%	4,832,922
CEO	20,000	-1.48%	3,229,902
IDC	39,100	-1.76%	2,726,338
TNG	18,400	0.55%	2,355,669

**TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VPB	19,400	6.01%	788.9
STB	25,000	-3.85%	751.0
HPG	21,100	-0.94%	441.7
SSI	19,650	-0.76%	402.2
HSG	16,200	-1.22%	323.5

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
PVS	26,100	-1.14%	126.7
IDC	39,100	-1.76%	107.3
SHS	8,500	-2.30%	74.7
CEO	20,000	-1.48%	65.5
TNG	18,400	0.55%	43.5

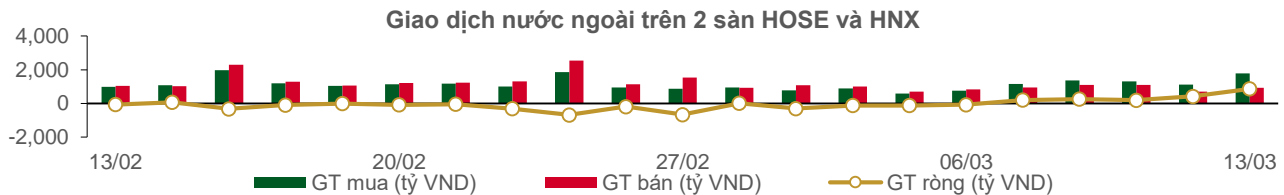
**Thông kê giao dịch thỏa thuận****TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
TCB	41,232,600	1,139.59
EIB	22,395,700	449.99
MSN	1,895,000	156.71
PNJ	768,900	62.57
MBB	3,279,000	57.55

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
HUT	3,294,900	49.40
VC3	508,000	14.34
VCS	52,000	2.70
PGS	85,815	2.09
TAR	62,900	0.89

## Thông kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	68.89	1,754.11	35.30	909.88	33.59	844.24
HNX	1.37	34.90	1.04	13.44	0.33	21.46
<b>Tổng 2 sàn</b>	<b>70.27</b>	<b>1,789.01</b>	<b>36.35</b>	<b>923.32</b>	<b>33.92</b>	<b>865.70</b>



### TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
TCB	26,750	4,379,000	127.21
HPG	21,100	5,622,200	118.83
SSI	19,650	6,024,700	118.55
VHM	44,750	2,059,600	91.17
HSG	16,200	5,506,200	89.60

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
IDC	39,100	415,400	16.40
TNG	18,400	770,900	14.29
PVS	26,100	102,300	2.69
CIA	12,100	48,000	0.59
PVI	49,500	11,300	0.56

### TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
TCB	26,750	4,379,000	127.21
STB	25,000	3,659,300	92.75
SAB	187,000	413,600	77.16
PNJ	80,200	768,900	62.57
MBB	17,500	2,894,600	50.81

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
SHS	8,500	804,500	6.88
IDC	39,100	114,600	4.49
PLC	32,800	37,700	1.24
IVS	5,000	17,200	0.09
TNG	18,400	4,500	0.08

### TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	21,100	4,646,000	98.23
SSI	19,650	4,530,100	89.39
VHM	44,750	1,977,500	87.54
POW	13,150	6,307,300	82.36
HSG	16,200	4,349,400	70.79

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
TNG	18,400	766,400	14.21
IDC	39,100	300,800	11.91
PVS	26,100	102,300	2.69
CIA	12,100	48,000	0.59
PVI	49,500	11,300	0.56

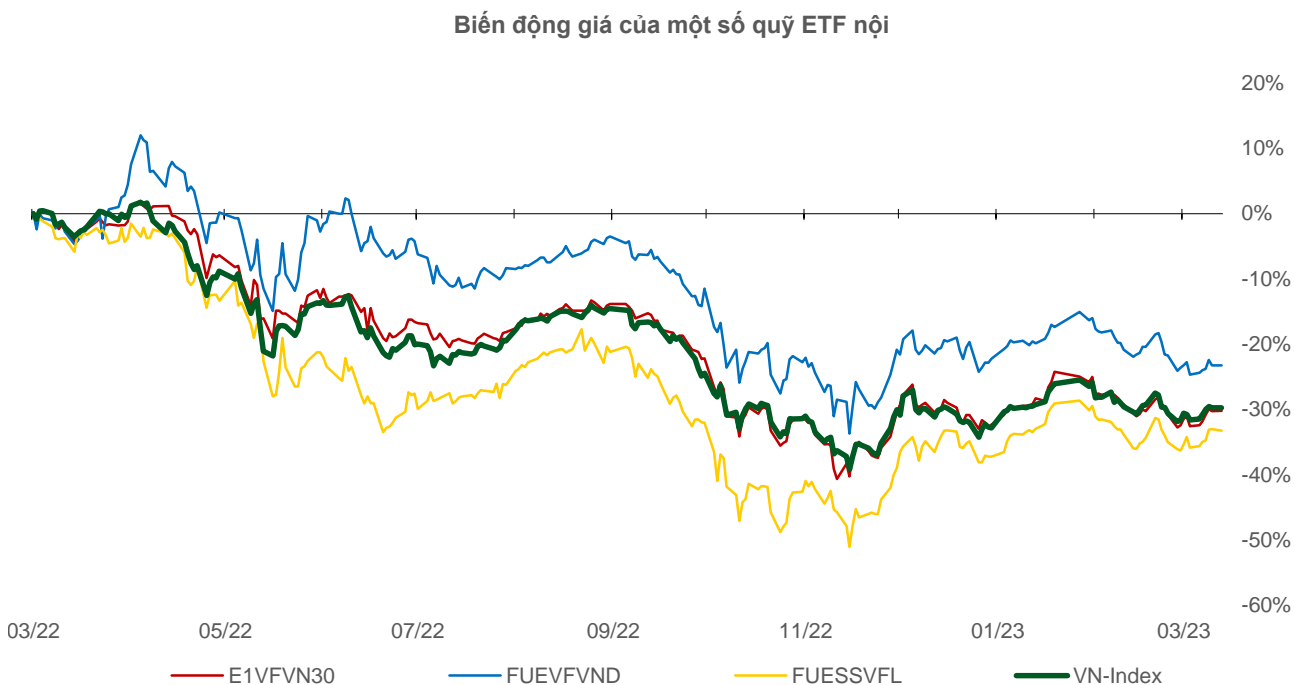
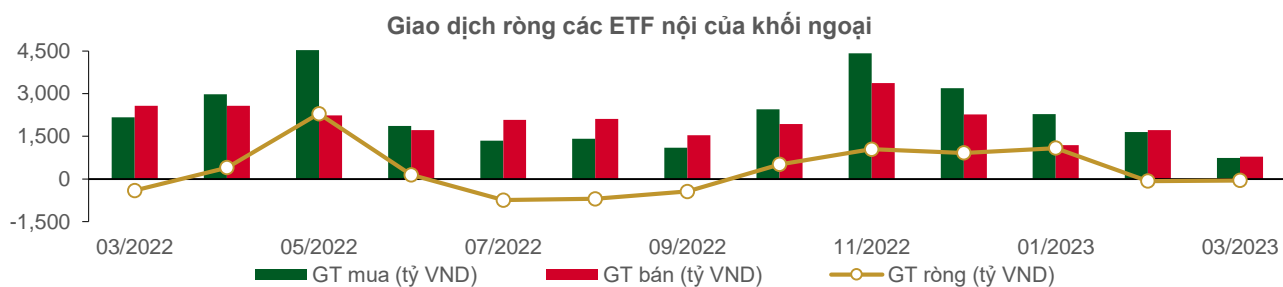
### TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
STB	25,000	(2,105,200)	(53.24)
E1VFN30	17,870	(1,085,300)	(19.40)
NLG	24,400	(749,200)	(18.57)
FUESSVFL	15,250	(1,176,000)	(17.92)
HCM	24,000	(352,000)	(8.44)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SHS	8,500	(802,000)	(6.86)
PLC	32,800	(37,700)	(1.24)
PVG	7,900	(10,000)	(0.08)
NDN	8,000	(9,900)	(0.08)
NVB	16,000	(4,900)	(0.08)

### Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	17,870	0.1%	2,418,020	43.20	E1VFN30	22.11	41.51	(19.40)
FUEMAV30	12,360	-0.1%	23,700	0.29	FUEMAV30	0.29	0.00	0.29
FUESSV30	12,880	1.3%	23,110	0.30	FUESSV30	0.21	0.01	0.20
FUESSV50	15,300	-2.5%	12,500	0.19	FUESSV50	0.00	0.00	0.00
FUESSVFL	15,250	-0.4%	1,273,200	19.40	FUESSVFL	1.08	19.00	(17.92)
FUEVFVND	22,100	0.0%	2,087,153	46.20	FUEVFVND	33.03	35.50	(2.47)
FUEVN100	13,330	0.8%	72,501	0.96	FUEVN100	0.60	0.42	0.18
FUEIP100	7,280	-0.5%	19,400	0.14	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	6,850	1.0%	51,400	0.35	FUEKIV30	0.18	0.17	0.01
FUEDCMID	8,080	-0.1%	21,600	0.18	FUEDCMID	0.08	0.09	(0.01)
FUEKIVFS	9,040	1.0%	54,200	0.49	FUEKIVFS	0.26	0.23	0.04
<b>Tổng cộng</b>			<b>6,056,784</b>	<b>111.70</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>57.84</b>	<b>96.93</b>	<b>(39.09)</b>



## Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CACB2207	140	-22.2%	39,210	18	24,500	101	(39)	25,500	4.0	31/03/2023
CACB2208	1,370	-4.2%	3,330	176	24,500	1,103	(267)	21,500	4.0	05/09/2023
CACB2301	1,300	0.0%	0	147	24,500	616	(684)	27,700	2.0	07/08/2023
CFPT2209	30	-25.0%	40,000	18	78,900	22	(8)	88,000	10.0	31/03/2023
CFPT2210	460	-2.1%	10,610	171	78,900	403	(57)	90,000	10.0	31/08/2023
CFPT2212	1,150	0.0%	4,020	85	78,900	1,116	(34)	70,000	10.0	06/06/2023
CFPT2213	1,310	0.0%	0	176	78,900	1,063	(247)	74,500	10.0	05/09/2023
CFPT2214	1,370	-2.1%	4,030	233	78,900	1,114	(256)	76,000	10.0	01/11/2023
CFPT2301	1,750	0.0%	0	106	78,900	693	(1,057)	84,000	6.0	27/06/2023
CFPT2302	1,350	-0.7%	140	156	78,900	522	(828)	85,000	10.0	16/08/2023
CFPT2303	1,010	0.0%	10	241	78,900	691	(319)	86,000	10.0	09/11/2023
CHDB2208	140	-6.7%	17,720	15	18,450	64	(76)	19,190	4.0	28/03/2023
CHPG2215	40	0.0%	71,200	15	21,100	23	(17)	23,000	10.0	28/03/2023
CHPG2221	10	0.0%	382,110	18	21,100	15	5	25,000	4.0	31/03/2023
CHPG2225	1,450	-3.3%	39,850	85	21,100	1,557	107	17,000	3.0	06/06/2023
CHPG2226	2,250	-1.8%	1,450	176	21,100	1,905	(345)	19,500	2.0	05/09/2023
CHPG2227	2,350	1.3%	8,880	233	21,100	1,886	(464)	20,500	2.0	01/11/2023
CHPG2301	2,320	-2.9%	770	106	21,100	1,724	(596)	19,000	2.0	27/06/2023
CHPG2302	2,570	-0.8%	410	198	21,100	1,867	(703)	20,000	2.0	27/09/2023
CHPG2303	2,660	0.0%	0	126	21,100	1,480	(1,180)	23,900	1.0	17/07/2023
CHPG2304	1,760	-3.8%	400	156	21,100	1,033	(727)	23,000	2.0	16/08/2023
CHPG2305	1,200	0.0%	600	147	21,100	956	(244)	23,200	2.0	07/08/2023
CHPG2306	1,370	0.0%	1,000	241	21,100	1,358	(12)	20,000	3.0	09/11/2023
CKDH2209	20	0.0%	400	15	26,500	0	(20)	36,340	7.3	28/03/2023
CMBB2210	20	100.0%	92,000	18	17,500	0	(20)	25,500	2.0	31/03/2023
CMBB2211	140	0.0%	13,630	171	17,500	56	(84)	27,000	4.0	31/08/2023
CMBB2213	790	-1.3%	13,010	85	17,500	592	(198)	17,000	3.0	06/06/2023
CMBB2214	1,510	-2.6%	16,540	176	17,500	1,242	(268)	17,000	2.0	05/09/2023
CMBB2215	1,540	-1.3%	1,160	233	17,500	1,194	(346)	18,000	2.0	01/11/2023
CMBB2301	890	-3.3%	590	106	17,500	588	(302)	16,300	4.0	27/06/2023
CMBB2302	890	-6.3%	10	106	17,500	491	(399)	19,400	2.0	27/06/2023
CMBB2303	710	0.0%	140	147	17,500	452	(258)	20,800	2.0	07/08/2023
CMSN2209	20	0.0%	20,000	15	84,500	0	(20)	111,410	19.9	28/03/2023
CMSN2214	370	-2.6%	4,850	85	84,500	278	(92)	100,000	10.0	06/06/2023
CMSN2215	760	10.1%	3,260	176	84,500	551	(209)	102,000	10.0	05/09/2023
CMWG2212	10	0.0%	870	18	39,400	0	(10)	75,000	10.0	31/03/2023
CMWG2213	140	-6.7%	28,560	85	39,400	62	(78)	54,000	6.0	06/06/2023
CMWG2214	470	-6.0%	39,820	176	39,400	281	(189)	46,500	10.0	05/09/2023
CMWG2215	650	-3.0%	10,470	233	39,400	407	(243)	45,000	10.0	01/11/2023
CMWG2301	800	-14.0%	150	126	39,400	295	(505)	46,300	7.0	17/07/2023
CMWG2302	720	0.0%	1,170	241	39,400	476	(244)	50,000	6.0	09/11/2023
CNVL2208	10	0.0%	3,720	15	11,000	0	(10)	80,000	16.0	28/03/2023
CPDR2205	10	0.0%	110	15	11,800	0	(10)	53,000	16.0	28/03/2023
CPOW2204	70	0.0%	4,510	15	13,150	48	(22)	13,980	5.0	28/03/2023
CPOW2209	50	0.0%	240	28	13,150	14	(36)	16,330	4.0	10/04/2023
CPOW2210	960	-2.0%	10,630	85	13,150	1,413	453	13,000	1.0	06/06/2023
CSTB2215	630	-24.1%	72,730	15	25,000	597	(33)	22,220	5.0	28/03/2023
CSTB2218	110	-45.0%	171,150	18	25,000	140	30	28,000	2.0	31/03/2023
CSTB2224	3,520	-10.4%	7,280	176	25,000	3,326	(194)	20,000	2.0	05/09/2023
CSTB2225	3,660	-9.6%	6,390	233	25,000	3,413	(247)	20,500	2.0	01/11/2023
CSTB2301	1,730	-10.8%	3,270	126	25,000	887	(843)	26,400	3.0	17/07/2023
CSTB2302	1,690	0.0%	0	147	25,000	1,155	(535)	28,200	2.0	07/08/2023



Bản tin chứng khoán

CSTB2303	3,640	0.0%	120	241	25,000	3,013	(627)	22,000	2.0	09/11/2023
CTCB2211	10	0.0%	1,050	18	26,750	0	(10)	42,000	4.0	31/03/2023
CTCB2212	140	0.0%	9,620	171	26,750	57	(83)	44,000	4.0	31/08/2023
CTCB2214	730	-7.6%	13,200	85	26,750	749	19	27,000	3.0	06/06/2023
CTCB2215	1,190	-5.6%	460	176	26,750	898	(292)	26,500	4.0	05/09/2023
CTCB2216	1,270	-5.9%	1,020	233	26,750	927	(343)	27,500	4.0	01/11/2023
CTCB2301	1,570	0.0%	0	156	26,750	669	(901)	30,000	3.0	16/08/2023
CTPB2204	150	0.0%	5,460	15	24,300	105	(45)	23,890	10.0	28/03/2023
CTPB2301	1,000	0.0%	0	147	24,300	682	(318)	26,000	3.0	07/08/2023
CVHM2211	30	50.0%	20	15	44,750	0	(30)	65,000	16.0	28/03/2023
CVHM2215	10	0.0%	60	18	44,750	0	(10)	60,000	6.0	31/03/2023
CVHM2216	160	6.7%	85,990	171	44,750	62	(98)	62,000	8.0	31/08/2023
CVHM2218	220	4.8%	30,390	85	44,750	89	(131)	54,000	6.0	06/06/2023
CVHM2219	650	27.5%	14,320	176	44,750	241	(409)	56,000	5.0	05/09/2023
CVHM2220	780	16.4%	10,070	233	44,750	286	(494)	58,000	5.0	01/11/2023
CVIB2201	2,280	-1.3%	530	176	20,700	1,680	(600)	19,620	1.9	05/09/2023
CVIB2301	1,580	0.0%	0	147	20,700	534	(1,046)	24,840	1.9	07/08/2023
CVJC2204	10	0.0%	22,780	15	100,700	0	(10)	133,980	20.0	28/03/2023
CVNM2207	640	0.0%	14,050	15	76,900	631	(9)	67,460	15.2	28/03/2023
CVNM2211	2,030	-2.9%	920	85	76,900	1,950	(80)	66,810	5.9	06/06/2023
CVNM2212	1,080	0.9%	20	176	76,900	664	(416)	80,560	7.9	05/09/2023
CVPB2211	50	150.0%	60,950	18	19,400	14	(36)	23,310	1.3	31/03/2023
CVPB2212	360	20.0%	52,440	171	19,400	293	(67)	24,640	2.7	31/08/2023
CVPB2214	1,130	21.5%	102,560	176	19,400	940	(190)	17,000	4.0	05/09/2023
CVPB2301	960	17.1%	11,610	198	19,400	605	(355)	19,800	4.0	27/09/2023
CVPB2302	2,250	16.0%	430	156	19,400	1,342	(908)	18,600	2.0	16/08/2023
CVRE2211	160	60.0%	35,540	15	29,100	153	(7)	28,890	8.0	28/03/2023
CVRE2215	250	177.8%	108,860	18	29,100	422	172	30,000	2.0	31/03/2023
CVRE2216	580	20.8%	41,090	171	29,100	796	216	31,000	4.0	31/08/2023
CVRE2219	490	6.5%	57,060	85	29,100	932	442	29,000	3.0	06/06/2023
CVRE2220	1,020	13.3%	28,940	176	29,100	911	(109)	30,000	4.0	05/09/2023
CVRE2221	990	13.8%	21,400	233	29,100	840	(150)	32,500	4.0	01/11/2023
CVRE2301	1,390	0.0%	0	126	29,100	778	(612)	29,700	4.0	17/07/2023

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

## DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
<a href="#">VIB</a>	HOSE	20,700	31,000	06/03/2023	9,550	6.6	1.5
<a href="#">GAS</a>	HOSE	108,100	105,500	01/03/2023	14,075	14.5	3.1
<a href="#">MSH</a>	HOSE	33,650	40,000	23/02/2023	325	7.1	1.3
<a href="#">BSR</a>	UPCOM	16,128	24,900	21/02/2023	7,375	10.4	1.4
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	80,200	82,800	13/02/2023	1,763	N/A	N/A
<a href="#">OCB</a>	HOSE	15,900	23,200	19/01/2023	3,517	9.1	1.1
<a href="#">DGW</a>	HOSE	36,100	42,200	12/01/2023	538	11.7	2.3
<a href="#">GEG</a>	HOSE	14,550	23,000	05/01/2023	426	25.3	1.8
<a href="#">TPB</a>	HOSE	24,300	34,000	04/01/2023	6,694	8.0	1.4
<a href="#">TCM</a>	HOSE	49,950	55,200	28/12/2022	253	17.9	2.6
<a href="#">VCB</a>	HOSE	91,500	111,681	19/12/2022	32,660	16.5	3.0
<a href="#">BID</a>	HOSE	46,250	53,363	19/12/2022	19,032	14.1	2.2
<a href="#">CTG</a>	HOSE	29,300	43,440	19/12/2022	17,382	12.0	1.7
<a href="#">TCB</a>	HOSE	26,750	49,353	19/12/2022	24,518	7.0	1.2
<a href="#">MBB</a>	HOSE	17,500	33,800	19/12/2022	24,005	6.4	1.5

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Bản tin chứng khoán

<a href="#">ACB</a>	HOSE	24,500	35,562	19/12/2022	15,757	7.6	1.4
<a href="#">VPB</a>	HOSE	19,400	29,888	19/12/2022	24,988	8.0	1.6
<a href="#">HDB</a>	HOSE	18,450	24,877	19/12/2022	9,995	5.0	1.0
<a href="#">LPB</a>	HOSE	14,750	23,500	19/12/2022	4,833	8.4	1.4
<a href="#">MSB</a>	HOSE	12,100	18,000	19/12/2022	4,874	7.4	1.1
<a href="#">SHB</a>	HOSE	9,940	22,500	19/12/2022	10,196	6.8	1.2
<a href="#">PVI</a>	HNX	49,500	47,002	19/12/2022	996	13.8	1.3
<a href="#">BMI</a>	HOSE	26,350	25,190	19/12/2022	427	9.0	1.0
<a href="#">BVH</a>	HOSE	49,500	70,900	19/12/2022	2,967	17.7	2.3
<a href="#">ANV</a>	HOSE	31,750	30,100	19/12/2022	320	12.0	1.3
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	17,024	27,219	19/12/2022	572	9.5	0.9
<a href="#">VHC</a>	HOSE	56,000	69,000	19/12/2022	1,510	8.4	1.5
<a href="#">FMC</a>	HOSE	35,800	37,300	19/12/2022	266	9.2	1.1
<a href="#">POW</a>	HOSE	13,150	13,800	19/12/2022	2,847	12.7	1.0
<a href="#">NT2</a>	HOSE	29,300	31,200	19/12/2022	957	10.1	2.0
<a href="#">VHM</a>	HOSE	44,750	82,000	19/12/2022	35,578	10.0	2.3
<a href="#">NLG</a>	HOSE	24,400	38,400	19/12/2022	1,368	9.7	1.4
<a href="#">KDH</a>	HOSE	26,500	36,500	19/12/2022	1,363	18.1	1.9
<a href="#">VRE</a>	HOSE	29,100	40,720	19/12/2022	3,461	26.7	2.7
<a href="#">SZC</a>	HOSE	27,350	42,700	19/12/2022	585	7.5	2.6
<a href="#">GVR</a>	HOSE	14,950	29,755	19/12/2022	5,521	27.8	2.1
<a href="#">LHG</a>	HOSE	22,100	42,250	19/12/2022	653	3.5	1.2
<a href="#">MWG</a>	HOSE	39,400	61,000	19/12/2022	4,891	27.2	3.8
<a href="#">FRT</a>	HOSE	70,800	126,900	19/12/2022	726	35.9	7.2
<a href="#">VNM</a>	HOSE	76,900	84,300	19/12/2022	10,876	18.2	4.9
<a href="#">SAB</a>	HOSE	187,000	175,400	19/12/2022	5,559	19.2	4.5
<a href="#">PLX</a>	HOSE	38,050	48,500	19/12/2022	2,439	29.6	2.4
<a href="#">PVT</a>	HOSE	21,000	26,900	19/12/2022	831	14.1	1.2
<a href="#">TRA</a>	HOSE	86,300	117,400	19/12/2022	349	13.9	2.8
<a href="#">DHG</a>	HOSE	96,200	106,300	19/12/2022	981	14.2	3.0
<a href="#">IMP</a>	HOSE	49,000	60,400	19/12/2022	306	13.2	1.9
<a href="#">STK</a>	HOSE	26,500	45,800	19/12/2022	239	13.5	1.8

Nguồn: PHS

\* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

## **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,  
Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,  
157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận  
3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04  
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung  
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend  
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận  
Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,  
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần  
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912